

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 70

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯƠI TÁM (Tiếp): PHẬT MẪU

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Bạch đức Thế Tôn! Làm thế nào Phật do Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà như thật biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi?

Phật dạy: Tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi v.v... đều nương nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức phát sanh. Tu-bồ-đề! Phật từ nơi đó biết tâm số của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi, nghĩa là biết tâm số của chúng sanh chấp “Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ” Kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Thần ngã và thế gian vô thường, là sự thật ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có.

Chấp “Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp “Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp “Thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có; chấp “Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thọ mà có.

Chấp “Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng

ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi tướng mà có; chấp “Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi tướng mà có; chấp “Thần ngã thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi tướng mà có; chấp “Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi tướng mà có.

Chấp “Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp “Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp “Thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi hành mà có; chấp “Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi hành mà có.

Chấp “Thần ngã và thế gian thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp “Thần ngã và thế gian vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp “Thần ngã cũng thường cũng vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thức mà có; chấp “Thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi thức mà có.

Chấp “Thế gian hữu biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Thế gian vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Thế gian hữu biên vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp “Thần ngã chính là thân”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Thần ngã khác, thân khác”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Chấp “Sau khi chết còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Sau khi chết không còn có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Sau khi chết hoặc có như khứ hoặc không có như khứ, là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có; chấp “Sau khi chết chẳng phải có như khứ chẳng phải không có như khứ là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ”, kiến chấp ấy nương nơi sắc mà có. Nương nơi thọ, tướng, hành, thức, cũng như vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật do Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu mà như thật biết tâm số chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Phật biết tướng sắc, biết tướng sắc thế nào? Là như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ước tướng, không có hý luận, không có đắc, tướng sắc cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Phật biết tướng thọ, tướng, hành, thức thế nào? Là như như chẳng hoại, không phân biệt, không có tướng, không có ước tướng, không có hý luận, không có đắc; tướng thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật biết tướng như của chúng sanh và tướng như của tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Tướng như của năm uẩn, tướng như của các hành tức là tướng như của hết thủy pháp.

Những gì là tướng như của hết thủy pháp? Đó là tướng như của sáu Ba-la-mật, tướng như của sáu Ba-la-mật tức là tướng như của vua ba mươi bảy phẩm, tướng như của ba mươi bảy phẩm tức là tướng như của mười tám không, tướng như của mười tám không tức là tướng như tức là tướng như của tám bội xả, tướng như của tám bội xả tức là tướng như của chín định thứ đệ, tướng như của chín định thứ đệ tức là tướng như của mười lực Phật, tướng như của mười lực Phật tức là tướng như của bốn điều không sợ, bốn biện giải vô ngại, đại từ, đại bi cho đến tướng như của mười tám pháp không chung, tướng như của mười tám pháp không chung tức là tướng như của trí Nhất thiết chủng tướng như; trí Nhất thiết chủng tướng như của pháp thiện, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu pháp vô lậu, tướng như của pháp hữu lậu pháp vô lậu tức là tướng như của các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, tướng như của các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại tức là tướng như của pháp hữu vi, pháp vô vi, tướng như của pháp hữu vi pháp vô vi tức là tướng như của quả vị Tu-đà-hoàn, tướng như của quả Tu-đà-hoàn tức là tướng như của quả vị Tư-đà-hàm, tướng như của quả vị Tư-đà-hàm tức là tướng như của quả vị A-na-hàm, tướng như của quả vị A-na-hàm tức là tướng như của quả vị A-la-hán, tướng như của quả vị A-la-hán tức là tướng như của đạo Bích-chi Phật, tướng như của đạo Bích-chi Phật tức là tướng như của Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tướng như của Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tức là tướng như của chư Phật, tướng như của chư Phật đều là tướng nhất như, chẳng hai chẳng khác, chẳng tận chẳng hoại, ấy gọi là tướng như của hết thủy các pháp. Phật do Bát-nhã Ba-la-mật biết được tướng như ấy. Do nhân duyên ấy nên Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Phật biết tướng như của hết thủy pháp, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác. Vì được tướng như ấy nên Phật gọi là Như lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tướng như của các pháp ấy, không phải tướng chẳng như, tướng chẳng khác, rất sâu xa. Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật dùng như ấy mà vì người nói Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch đức Thế Tôn! Ai hay tin hiểu điều ấy? Chỉ có Bồ-tát đã đến địa vị bất thối và người đầy đủ chánh kiến và A-la-hán đã hết sạch các lậu hoặc. Vì sao? Vì pháp ấy rất sâu xa.

Tu-bồ-đề! Như ấy, tướng không cùng tận nên rất sâu xa.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp gì tướng không cùng tận nên rất sâu xa? Phật dạy: Vì hết thủy pháp không cùng tận nên như vậy. Tu-bồ-đề! Phật biết được hết thủy pháp ấy rồi mới thuyết pháp cho chúng sanh.

LUẬN: Phật biết hết sở tác sở hành của tất cả chúng sanh, biết sáu mươi hai tà kiến, chín mươi tám kiết sử phiền não, thế nên nói Phật biết tâm tâm số pháp của chúng sanh ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Người tại gia bị các phiền não ái nhiễm nhận chìm, nên gọi là chìm, người xuất gia lìa chín mươi sáu thứ tà kiến gọi là ra khỏi. Lại thường đắm cái vui ở đời gọi là chìm, hoặc biết nó vô thường mà sợ sệt cầu đạo gọi là ra khỏi. Lại lãnh thọ chín mươi sáu tà đạo không thể cầu chánh đạo trở lại chìm vào thế gian, gọi là chìm, co là không lìa khỏi cõi Dục, duỗi là lìa khỏi cõi Dục, cõi Sắc. Lìa, không lìa cũng như vậy. Như người đứng trên ao nước trong, trông thấy cá, có con thường ở trong nước, có con tạm nhảy ra rồi trở lại lặn xuống, có con ra khỏi nhìn bốn phương, có con ra khỏi muốn lặn qua gần bờ trở lại lặn xuống. Phật cũng như vậy, Ngài dùng Phật nhãn nhìn chúng sanh trong mười phương sáu đường, có kẻ thường đắm năm dục, bị phiền não che tâm, không cầu ra khỏi; có kẻ tâm tốt hay bố thí, trì giới mà vì tà kiến nghi hoặc che tâm nên trở lại chìm đắm; có kẻ ra khỏi năm dục, quán bốn chân lý vi diệu, đạt được noãn pháp, nhưng chưa đạt được thật pháp nên trở lại chìm đắm; có người lìa dục chứng được Sơ thiên cho đến Vô Sở hữu xứ định, vì chẳng đặng Niết-bàn nên trở lại chìm đắm.

Thế nào là tướng ra khỏi, chìm đắm, co duỗi? Trong đây Phật nói đó là chấp thân ngã và thế gian thường. Thân ngã là người phạm phu ức tướng phân biệt theo tâm chấp ngã thủ tướng nên chấp có thân ngã. Ngoại đạo nói thân ngã có hai thứ là thường và vô thường. Nếu người chấp thân ngã thường, thì thường tu phước đức, để sau thọ quả báo; hoặc

do hành đạo mà thần ngã được giải thoát. Nếu người chấp thần ngã vô thường thì vì danh lợi hiện đời nên có tạo tác. Chấp thường vô thường là có người cho thần ngã có hai thứ: 1. Vì tế thường trú. 2. Hiện có tạo tác. Hiện có tạo tác là thân này khi chết vô thường nhưng thần ngã vì tế là thường. Có người nói thần ngã chẳng phải thường chẳng phải vô thường, thường hay vô thường đều có lỗi. Nếu thần ngã vô thường tức không có tội phước. Vì sao? Vì nếu thường thì khổ vui không đổi khác, thí như hư không, mưa không làm ướt, gió nắng không làm khô; nếu vô thường thì khổ vui biến đổi, thí như gió mưa, đối với da trâu thì làm cho hư nát. Vì tâm chấp ngã nên nói chắc có thần ngã, nhưng chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Phật nói bốn thứ tà kiến đều duyên nơi năm uẩn, chỉ vì nơi năm uẩn lầm chấp là thần ngã.

Thần ngã và thế gian là, thế gian có ba thứ:

1. Thế gian năm uẩn.
2. Thế gian chúng sanh.
3. Thế gian quốc độ.

Trong đây nói hai thứ thế gian là thế gian năm uẩn và thế gian quốc độ; thế gian chúng sanh tức là thần ngã. Đối nơi tướng thế gian cũng có bốn thứ tà kiến.

Hỏi: Thần ngã thì từ xưa lại đây không có, nên chấp là sai, còn thế gian là có, cớ sao lại đồng với tà kiến chấp có thần ngã?

Đáp: Chỉ phá cái chấp tướng thường vô thường đối với thế gian, chứ không phá thế gian, thí như người không có mắt cầm răn mà cho là anh lạc, còn người có mắt thì cho là răn, chẳng phải anh lạc. Phật phá cái điên đảo chấp thế gian thường, mà không phá thế gian. Vì sao? Vì hiện thấy thế gian vô thường. Nhưng cũng không được nói vô thường vì tội phước chẳng mất; vì quá khứ đã có tạo tác, nói thường hay nói vô thường, cả hai đều lỗi; còn nói chẳng phải vô thường, cũng có lỗi vì đấm trước thế gian.

Thế gian hữu biên là, có người tìm nguồn gốc thế gian, không thấy chỗ bắt đầu của nó, không có bắt đầu, thì cũng không có khoảng giữa, khoảng sau. Nếu không bắt đầu, khoảng giữa, khoảng sau thì không có thế gian; thế nên thế gian lý đáng phải có bắt đầu, tức là hữu biên. Người chứng được thiền định nhờ trí biết kiếp trước, thấy được việc trong tám vạn kiếp trước, quá nữa thì không biết; chỉ thấy thức trung ấm bắt đầu của thân này, mà tự suy nghĩ: Thức này không thể không có nhân không có duyên; chắc phải có nhân duyên. Mà trí biết kiếp trước không thể

biết, chỉ ước tưởng phân biệt, có một pháp gọi là “thế tánh”, chẳng phải năm thức biết được, vì nó quá vi tế. Từ trong “thế tánh” đầu tiên sanh ra “giác”, giác tức là “thức trung ấm”. Từ giác sanh “ngã”, từ ngã sanh “năm thứ vi trần” là sắc, tiếng, mùi, vị, xúc. Từ vi trần tiếng sanh “hư không đại”, từ vi trần tiếng và xúc sanh ra “phong đại”, từ vi trần sắc tiếng và xúc sanh ra “hỏa đại”, từ vi trần sắc, tiếng, mùi, vị, xúc sanh “thủy đại”, từ vi trần sắc tiếng mùi, vị, xúc sanh “địa đại”. Từ không sanh nhĩ căn, từ gió sanh thân căn, từ lửa sanh nhãn căn, từ nước sanh thiệt căn, từ đất sanh tỳ căn, như vậy dần dần từ tế đến thô.

Thế tánh là, từ thế tánh đi đến thô, từ thô chuyển đến tế, trở lại thế tánh; thí như trong cục bùn có các tánh cách cái bình cái chậu v.v... Lấy bùn làm bình, phá bình làm chậu, như vậy chuyển biến mãi không mất; thế tánh cũng như vậy. Chuyển biến làm thô, thế tánh là pháp thường, không từ đâu đến, như trong kinh Tăng Khư (Samkya, Số luận) nói rộng thế tánh này.

Lại có người nói: Biên tế bắt đầu của thế gian là vi trần, là cực vi, vi trần là pháp thường hằng không thể phá, không thể đốt, không thể nát, không thể hoại, vì là rất nhỏ, chỉ đợi nhân duyên của tội phước nên hòa hợp mà có thân; hoặc thân trời hoặc thân địa ngục v.v... Vì không có cha mẹ; nhân duyên của tội phước hết thì tan rã.

Có người cho “tự nhiên” là khởi nguyên thế giới, giàu nghèo, sanh hèn, chẳng phải do mong ước, tạo tác mà được.

Có người nói: Chúa Trời là khởi nguyên thế giới, tạo tác tốt xấu hoa phước, trời đất muôn vật, các pháp ấy khi tiêu diệt, Trời trở lại thu nhiếp lấy. Chấp các nguyên nhân tà vạy như vậy cho là biên tế thế giới.

Có người nói: Khi chúng sanh đời đời chịu khổ vui hết, tự đi đến biên tế, thí như đứng trên núi quãng cuốn chỉ, chỉ hết tự ngừng. Thọ tội thọ phước, đều qui về cùng tận. Tinh tấn hay biếng nhác không khác.

Có người nói: Thế gian quốc độ tám phương đều có bờ mé, chỉ phía trên và dưới không có bờ mé.

Có người nói: Phía dưới đến mười tám địa ngục, phía trên đến cõi trời Hữu Đảnh, trên dưới có bờ mé, còn tám phương không có bờ mé. Như vậy các thuyết về thế giới hữu biên.

Có người nói: Chúng sanh và thế giới có ngàn mé, như nói thần ngã ở trong thân thể, nhỏ như hạt cải, hoặc như trái táo, hoặc mật tấc, người lớn thì thần ngã lớn, người nhỏ thì thần ngã nhỏ, cho thần ngã là một phần pháp sắc, nên nói thần ngã có biên.

Vô biên là, có người nói: Thần ngã biến khắp hư không, không chỗ

nào không có, gặp chỗ có thân thì có cảm giác khổ vui, thế nên gọi thần ngã vô biên.

Có người nói: Quốc độ thế gian vô tử, nếu có tử thì không có nhân duyên, lúc sau cũng thường thọ thân không cùng tận, thế thì phá hoại Niết-bàn. Thế gọi là vô biên.

Lại nữa, nói thế gian quốc độ, mười phương không có biên tế. Như vậy là các thuyết nói thần ngã thế gian, quốc độ thế gian vô biên.

Hữu biên vô biên là, có người nói: thần ngã thế gian vô biên, còn quốc độ thế gian hữu biên. Hoặc nói thần ngã thế gian hữu biên còn quốc độ thế gian vô biên, vì như trên nói thần ngã là sắc pháp. Hoặc nói trên dưới hữu biên, tám phương vô biên. Tóm hai pháp trên gọi là hữu biên vô biên.

Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là, có người thấy thế gian hữu biên, có lỗi, vô biên cũng có lỗi, nên chẳng nói hữu biên, chẳng nói vô biên, chấp chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên là thật tánh thế gian.

Thần ngã tức là thân là, có người nói thân này tức là thần ngã. Vì sao? Vì phân tích thân này tìm thần ngã không thể có được.

Lại nữa, thọ khổ vui tốt xấu đều là thân này, thế nên nói thân tức là thần ngã.

Thân khác thần ngã khác là, có người nói thần ngã vi tế, năm thức không thể biết được, cũng không phải hàng phàm phu thấy được, người nhiếp tâm thanh tịnh, được thiên định mới có thể thấy được. Thế nên nói thân khác thần ngã khác.

Lại nữa, nếu thân tức là thần ngã, thân diệt thần ngã cũng diệt, ấy là tà kiến, còn nói thân khác thần ngã khác, thân diệt thần ngã thường trú, ấy là biên kiến.

Sau khi chết còn có như khứ là:

Hỏi: Trên kia nói thường vô thường v.v... tức đã nói đời sau hoặc có hoặc không, sao nay lại còn phân biệt như khứ thành bốn câu?

Đáp: Trên nói chung hết thấy thế gian thường vô thường, còn việc đời sau có hay không cần phải nói riêng.

Như khứ là, như người đến sanh nơi đây, đi đến đời sau cũng như thế.

Có người nói, đời trước không từ đâu đến, diệt cũng chẳng đi đâu.

Có người nói, Thân và thần ngã hòa hợp làm người, sau khi chết thần ngã đi thân không đi, ấy gọi là như khứ chẳng như khứ.

Chẳng phải có như khứ chẳng phải không như khứ là, thấy đi không

đi đều có lỗi, nên nói chẳng phải đi chẳng phải không đi. Người ấy không thể bỏ cái chấp có thần ngã, nhưng chấp thần ngã chẳng phải đi chẳng phải không đi.

Các phiền não tà kiến như trên, gọi là tướng tâm số ra khỏi, chìm đắm, co duỗi. Vì sao? Vì người tà kiến với nhiều đường lối cầu ra khỏi không được, nên muốn ra mà vẫn chìm. Sức tà kiến nhiều khó giải thoát, cho nên nói mười bốn việc tà kiến, là chấp thế gian thường vô thường v.v...

Ngoại đạo tuy mỗi mỗi ức tướng phân biệt, Phật nói đều duyên nơi năm uẩn, nương tựa năm uẩn không có thần ngã, không thường hằng. Phật biết năm uẩn trống không, không có tướng trạng, không có tạo tác, không có hý luận. Chỉ biết năm uẩn như như, không như chỗ thấy giả dối điên đảo của hàng phàm phu. Giống như năm uẩn như như, hết thấy pháp như như cũng như vậy. Vì sao? Vì hai pháp thâm nhiếp hết thấy pháp, đó là pháp hữu vi và pháp vô vi. Năm uẩn là pháp hữu vi, năm uẩn như như tức là pháp vô vi. Quán sát, trừ lượng, tư duy năm uẩn có thể thực hành sáu Ba-la-mật, thế nên nói năm uẩn như tức là hết thấy pháp như; hết thấy pháp như tức là sáu Ba-la-mật như. Bồ-tát thực hành sáu Ba-la-mật cầu thật đạo, quán năm uẩn vô thường, không, phát sanh ba mươi bảy phẩm, tám bội xả, chín định thứ đệ, ấy là đạo Thanh văn, khi biết rồi đi thẳng qua, tiếp thực hành mười tám không, mười lực, các Phật pháp, đều do chánh quán sát năm uẩn, năm uẩn như, không phân biệt, nên đều là hết thấy pháp như. Thế nên nói thiện pháp như tức là bất thiện pháp như, bất thiện pháp như tức là thiện pháp như. Pháp thế gian xuất thế gian cũng như vậy. Thế nên hành giả không được đắm trước thiện pháp, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Tướng Phật như cũng như vậy, đều là tướng nhất như, không hai không khác. Vì sao? Vì tìm thật tướng của chư pháp, đi đến rốt ráo không, không còn dị biệt.

Các pháp như như cũng như vậy, Phật do Bát-nhã Ba-la-mật mà chứng được, thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật hay sanh ra chư Phật, hay chỉ thị tướng thế gian.

Tu-bồ-đề tán thán là chưa từng có, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lý như của hết thấy pháp rất sâu xa, tùy thuận chẳng trái nhau, như của ba đời mười phương chư Phật tức là như của các pháp, hiểu như của các pháp nên vì chúng sanh mỗi mỗi thuyết pháp là như thậm thâm, khó hiểu khó tin, vị Bồ-tát ở địa vị bất thối vào pháp vị, được thọ ký mới có thể tin. Người đầy đủ chánh kiến là ba bậc Đạo nhân (Tu-đà-hoàn,

Tư-đà-hàm, A-na-hàm) và A-la-hán sạch hết lậu hoặc không thọ nhận pháp gì nên có thể tin. Hạng người có lòng tin đã gần địa vị bất thối cho nên không nói riêng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy pháp vô tận nên “Như” ấy vô tận, “Như” vô tận, nên người được Thánh đạo có thể tin, trong pháp vô vi có sai biệt nên có các đạo Tu-đà-hoàn nghe pháp tự mình chứng được nên có thể tin, còn người phạm phu đắm vào pháp điên đảo hư dối, nên không thể tin.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chư Phật được như của các pháp ấy nên gọi là Như Lai, gọi là bậc Nhất thiết trí, hay cứu độ chúng sanh khiến đi đến Niết-bàn.

-----o0o-----